

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Trụ sở chính: 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: 02543.838423 - 02543.838426

Fax: 02543.838422

Email: idicoconac@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **VŨ ANH TUẤN**

Số căn cứ: 026073001551, ngày cấp 29/5/2021, nơi cấp: Cục trưởng CCS QLHC về TTXH.

Địa chỉ: 40/6/7 Lê Hồng Phong, F4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: di động: 0913755579; cơ quan: 02543.838423

Loại thông tin công bố:  24h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO thông báo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.

*(Đính kèm: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022)*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Giám đốc Cty;
- VPTH, TCKT.

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 3 năm 2023

Người thực hiện công bố thông tin



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Vũ Anh Tuấn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 44

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000323 do cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 29/10/2020, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 28/10/2021 và đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 15/8/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 15/8/2022 là: 119.999.850.000 VND (Bằng chữ: Một trăm mười chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng), được chia thành 11.999.985 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INVESTMENT CONSTRUCTION OIL AND NATURAL GAS JOINTSTOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO-CONAC.

Cổ phiếu Công ty hiện đang giao dịch tại sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: ICN.

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 29/4/2022)
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 29/4/2022)
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 29/4/2022)
Ông Đoàn Đắc Hiếu	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 04/11/2022)
Ông Võ Tấn Dũng	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 29/4/2022)
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29/4/2022)
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên (Bầu thay thế từ ngày 04/11/2022)

##### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng ban (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 29/4/2022)
Ông Mai Đức Chính	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 29/4/2022)
Ông Trần Quang Duy	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 29/4/2022)
Ông Nguyễn Tuyên Chiêu	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29/4/2022)

##### Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc
Ông Trần Thanh Kiều	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Đắc Hiếu	Phó Giám đốc (Nghỉ việc từ ngày 30/9/2022)
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐÀU KHÍ IDICO

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện được trình bày tại mục 7.2 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Công ty, 



**Lê Thanh Tùng**

**Giám đốc**

Vũng Tàu, ngày 02 tháng 03 năm 2023



Số: 70/2023/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO, được lập ngày 02/03/2023, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



A blue handwritten signature.

---

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

---

**Vũ Xuân Hùng****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

1015-2022-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>902.461.304.119</b>	<b>738.584.303.304</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>84.313.121.122</b>	<b>21.939.715.233</b>
1. Tiền	111		12.313.121.122	21.939.715.233
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.000.000.000	-
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>385.301.000.000</b>	<b>576.872.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	10.676.000.000	10.676.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	374.625.000.000	566.196.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>96.411.443.231</b>	<b>104.323.900.677</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	46.934.372.270	53.729.327.525
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	24.634.383.611	23.001.146.536
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	25.945.918.552	28.473.325.321
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(1.103.231.202)	(879.898.705)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>333.398.000.089</b>	<b>35.211.086.048</b>
1. Hàng tồn kho	141		333.398.000.089	35.211.086.048
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.037.739.677</b>	<b>237.601.346</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	77.957.781	63.579.363
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.026.969.946	129.666.914
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	932.811.950	44.355.069
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>441.435.993.749</b>	<b>563.334.397.433</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>291.404.196.827</b>	<b>381.251.505.646</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	87.430.593.640	119.785.756.171
- Nguyên giá	222		200.400.553.109	195.488.508.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.969.959.469)	(75.702.752.405)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	203.973.603.187	261.465.749.475
- Nguyên giá	228		317.835.007.442	315.733.699.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(113.861.404.255)	(54.267.950.349)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>46.836.455.301</b>	<b>77.681.572.513</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	46.836.455.301	77.681.572.513
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.3	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.195.341.621</b>	<b>4.401.319.274</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	3.195.341.621	4.401.319.274
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>1.343.897.297.868</b>	<b>1.301.918.700.737</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG****DẦU KHÍ IDICO**Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**Mẫu số B 01- DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.006.383.243.490</b>	<b>1.173.854.253.873</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>193.539.472.812</b>	<b>111.151.844.679</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	16.139.476.918	16.731.218.305
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	43.069.477.000	42.289.240.909
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	21.378.261.411	2.319.486.544
4. Phải trả người lao động	314		2.922.601.338	1.804.537.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	1.173.929.135	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	18.038.688.060	28.180.515.232
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	73.609.006.121	1.529.770.212
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	13.006.969.296	12.008.249.028
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.201.063.533	6.288.826.949
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>812.843.770.678</b>	<b>1.062.702.409.194</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.19	622.980.287.938	1.061.356.532.559
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	591.300.000	687.700.000
3. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.16	189.272.182.740	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.20	-	658.176.635
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>337.514.054.378</b>	<b>128.064.446.864</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>337.514.054.378</b>	<b>128.064.446.864</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.850.000	99.999.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.850.000	99.999.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		290.000	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		-	(50.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		217.513.914.378	28.064.576.864
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		1.446.996.280	5.688.005.020
- LNST chưa phân phối kì này	421b		216.066.918.098	22.376.571.844
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.343.897.297.868</b>	<b>1.301.918.700.737</b>

Vũng Tàu, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Lựu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh



Lê Thanh Tùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	611.125.053.048	137.841.508.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	611.125.053.048	137.841.508.333
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	204.657.241.452	117.500.810.715
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		406.467.811.596	20.340.697.618
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	39.281.316.073	45.540.830.847
7. Chi phí tài chính	22	6.4	754.580.730	839.618.114
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		754.580.730	584.191.077
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	19.004.915.686	16.639.783.997
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		425.989.631.253	48.402.126.354
11. Thu nhập khác	31		905.844.285	663.896.122
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		905.844.285	663.896.122
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		426.895.475.538	49.066.022.476
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	84.828.714.940	6.689.476.632
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		342.066.760.598	42.376.545.844
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	31.198	4.703
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	17.615	4.703

Vũng Tàu, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Lựu

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		426.895.475.538	49.066.022.476
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		97.954.709.152	15.207.525.392
- Các khoản dự phòng	03		(434.844.138)	(866.184.334)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		56.225.165	(28.845.219)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(39.501.454.544)	(43.756.301.076)
- Chi phí lãi vay	06		754.580.730	584.191.077
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		485.724.691.903	20.206.408.316
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.854.903.460	(21.874.079.055)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(298.186.914.041)	11.947.417.702
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(415.784.528.436)	(8.971.960.234)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.191.599.235	(3.218.706.910)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(754.580.730)	(584.191.077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(65.189.476.632)	(9.468.017.498)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.705.418.000)	(2.574.178.333)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(292.849.723.241)</b>	<b>(14.537.307.089)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(8.107.400.333)	(28.579.441.274)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		276.363.636	430.485.842
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		191.571.000.000	123.804.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.237.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		40.152.952.484	50.347.570.511
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>223.892.915.787</b>	<b>56.240.115.079</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		250.906.184.987	98.409.583.781
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(60.635.281.979)	(86.401.334.753)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(58.884.464.500)	(43.979.839.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>131.386.438.508</b>	<b>(31.971.589.972)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50		<b>62.429.631.054</b>	<b>9.731.218.018</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>21.939.715.233</b>	<b>12.179.651.996</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(56.225.165)	28.845.219
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	5.1	<b>84.313.121.122</b>	<b>21.939.715.233</b>

Vũng Tàu ngày 02 tháng 03 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Lưu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Hạnh



Giám đốc

Lê Thanh Tùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000323 do cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 29/10/2020, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 28/10/2021 và đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 15/8/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 15/8/2022 là: 119.999.850.000 VND (*Một trăm mười chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*), được chia thành 11.999.985 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INVESTMENT CONSTRUCTION OIL AND NATURAL GAS JOINTSTOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - CONAC.

Cổ phiếu Công ty hiện đang giao dịch tại sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: ICN.

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Số lao động Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 101 người (tại ngày 31/12/2021 là: 104 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Thi công xây dựng các công trình; cho thuê khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình thủy điện, điện, nước, cầu cảng, bưu chính viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Đầu tư xây dựng các dự án theo các hình thức: Xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), Xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), Xây dựng - chuyển giao (BT), Xây dựng - kinh doanh (BO); Đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí; Xây dựng các công trình điện hạ thế, trung thế đến 35KV; Hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh vận tải, xăng, dầu, nhớt, nước, điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho công nghiệp xây dựng;

Khai thác và chế biến khoáng sản; Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu và vật liệu xây dựng; Gia công cơ khí và kết cấu thép các loại; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng, suất ăn công nghiệp; Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng; Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình cầu và đường bộ; Lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật gắn liền với các công trình giao thông như hệ thống chiếu sáng, thoát nước, vỉa hè, cây xanh; Dịch vụ vệ sinh công nghiệp trong KCN của Công ty; Cung cấp dịch vụ trồng và chăm sóc cây xanh; Trồng cây hàng năm, cây lâu năm;



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc Công ty**

**Đơn vị trực thuộc:** Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 03 đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ, mã số chi nhánh
1	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO tại thành phố Hồ Chí Minh	10 L đường số 1, khu dân cư Miếu Nổi, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số văn phòng đại diện: 3500101298-017
2	Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ và Xây dựng IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Mã số chi nhánh: 3500101298 – 018
3	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO tại thành phố Hà Nội	Căn hộ số 19 Tầng 15 Tòa C2 Khu Căn hộ D'. Capitale thuộc Khu Đô thị Đông Nam, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Mã số văn phòng đại diện: 3500101298-019

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính tổng hợp của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng kể từ ngày gửi, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản khác	04 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Đối với những tài sản cố định hữu hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian khấu hao còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất còn lại.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và tài sản vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, cụ thể:

- Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu. Theo quy định, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

- Tài sản cố định vô hình khác là giá trị chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo thời gian cho thuê đất.

Theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 16/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất từ 41 năm lên 55 năm, kể từ ngày 9/10/2007 (ngày Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO nhận bàn giao doanh nghiệp Công ty Xây dựng Dầu khí từ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam) liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Đối với những tài sản cố định vô hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian cho thuê đất còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất nhận tiền hàng năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí trả trước khác: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hợp đồng xây dựng, Doanh thu kinh doanh Khu công nghiệp và Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác.

**Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp:**

Công ty áp dụng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- (b) Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- (c) Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- (d) Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đồng thời, Công ty thực hiện việc trích khấu hao của tài sản cố định một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong Khu công nghiệp của các hợp đồng còn lại được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên thuê được bên thuê chấp thuận thanh toán và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho tổng số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	213.559.041	4.029.898.314
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.099.562.081	17.909.816.919
Tương đương tiền (i)	72.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>84.313.121.122</b>	<b>21.939.715.233</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng với lãi suất bình quân từ 5,8%/năm đến 5,9%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.2 Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	10.676.000.000	17.295.120.000	-	10.676.000.000	20.551.300.000	-
<b>Tổng</b>	<b>10.676.000.000</b>	<b>17.295.120.000</b>	<b>-</b>	<b>10.676.000.000</b>	<b>20.551.300.000</b>	<b>-</b>

*Trong đó: Đầu tư tài chính dài hạn là các bên  
liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số  
7.3)*

**10.676.000.000**

**10.676.000.000**

(i) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO được xác định căn cứ vào giá niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2022 theo giá bình quân là 16.200 đồng x 1.067.600 Cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a) Ngân hạn</b>	<b>374.625.000.000</b>	<b>374.625.000.000</b>	<b>566.196.000.000</b>	<b>566.196.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vũng Tàu - PGD Rạch Dừa	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Campuchia- Chi nhánh Hà Nội	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển - Chi nhánh Côn Đảo	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	26.000.000.000	26.000.000.000	30.196.000.000	30.196.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển - Chi nhánh Đông Đồng Nai	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển - Chi nhánh Gia Định	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.HCM - Chi nhánh Vũng Tàu	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An	3.000.000.000	3.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Vũng Tàu	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển - Chi nhánh Thủ dầu Một	10.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu (ii)	212.625.000.000	212.625.000.000	383.000.000.000	383.000.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần IDTT (i)	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>474.625.000.000</b>	<b>474.625.000.000</b>	<b>666.196.000.000</b>	<b>666.196.000.000</b>

**Trong đó: Đầu tư tài chính dài hạn là các bên liên quan**  
(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)

**100.000.000.000**      **100.000.000.000**      **100.000.000.000**      **100.000.000.000**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO đầu tư mua trái phiếu do Công ty Cổ phần phát triển KCN và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC (Nay là Công ty Cổ phần IDTT) phát hành như sau:

- Nghị quyết số 06/NQ-CT ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: Nguồn vốn, giá trị đầu tư: Sử dụng một phần tiền nhàn rỗi đang gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng, tối đa không vượt quá 300 tỷ VND để đầu tư; Kỳ hạn trái phiếu: Tối đa 2 năm; Lãi suất trái phiếu: 10%/năm; Loại hình trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm.

- Văn bản số 21/CT-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng Quản trị gửi Giám đốc Công ty về việc chấp thuận cho Công ty mua trái phiếu Công ty Cổ phần phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC như sau: Mã trái phiếu: IDTCH2123001; Số lượng trái phiếu: 1.000.000 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu; Giá trị trái phiếu (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng; Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng kể từ hành phát hành; Lãi suất trái phiếu: Lãi cố định 10%/năm, Kỳ tính lãi: 03 tháng/lần; Loại hình trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm; Tài sản đảm bảo 1.821.280 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO và toàn bộ số cổ phần phát sinh do trả cổ tức liên quan quyền sở hữu 1.821.280 cổ phần trong thời gian thế chấp.

- Hợp đồng số 40/2021/ĐMTP/IDTCH2123001 ngày 10/6/2021 về việc đặt mua trái phiếu giữa Công ty Cổ phần phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO.

- Giấy Chứng nhận sở hữu trái phiếu Công ty Cổ phần phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC (Nay là Công ty Cổ phần IDTT) đợt phát hành ngày 10/6/2021.

(ii) Công ty đã thế chấp theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2021/600266/HĐBĐ ngày 14/9/2021 với giá trị 80 tỷ đồng và hợp đồng cầm cố tiền gửi số 02/2022/600266/HĐBĐ ngày 10/10/2022 với giá trị 17 tỷ đồng.

**5.4 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty cổ phần IDTT	18.944.679.333	10.847.629.080
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	4.507.817.154	8.656.310.644
Công ty TNHH may Thiên Kim	223.332.497	10.817.743.600
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Đô thị	15.515.054.983	15.324.392.401
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Khu vực Quận 12	4.090.076.900	4.090.076.900
Các đối tượng còn lại	3.653.411.403	3.993.174.900
<b>Tổng</b>	<b>46.934.372.270</b>	<b>53.729.327.525</b>
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)</i>	<i>23.452.496.487</i>	<i>19.503.939.724</i>

**5.5 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	22.193.026.428	18.651.110.856
Các đối tượng còn lại	2.441.357.183	4.350.035.680
<b>Tổng</b>	<b>24.634.383.611</b>	<b>23.001.146.536</b>
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)</i>	<i>22.193.026.428</i>	<i>18.651.110.856</i>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

Lãi dự thu các ngân hàng, lãi cho vay và đầu tư trái phiếu

Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia

Ký quỹ ký cược ngắn hạn

Tạm ứng

Phải thu khác

**Tổng***Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan**(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)***5.7 Nợ xấu**

Đường nội bộ nhà máy đường Trị An

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch IDICO

Các đối tượng còn lại

**Tổng***Trong đó:*

Đường nội bộ nhà máy đường Trị An

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch IDICO

Các đối tượng còn lại

**Tổng**

31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
13.484.903.262	-	15.480.364.838	-
1.067.600.000	-	-	-
214.290.000	-	225.890.000	-
10.281.108.223	-	3.847.759.700	-
898.017.067	(176.053.897)	8.919.310.783	(176.053.897)
<b>25.945.918.552</b>	<b>(176.053.897)</b>	<b>28.473.325.321</b>	<b>(176.053.897)</b>
<b>1.922.096.447</b>		<b>975.096.447</b>	

31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
Giá gốc	Giá trị có thể thu	Giá gốc	Giá trị có thể thu
102.384.934	-	102.384.934	-
129.407.703	-	129.407.703	-
871.438.565	-	648.106.068	-
<b>1.103.231.202</b>	-	<b>879.898.705</b>	-
Dưới 6 tháng		Từ 2-3 năm	
	Từ 1-2 năm		Trên 3 năm
-	-	-	102.384.934
-	-	-	129.407.703
-	-	-	871.438.565
-	-	-	<b>1.103.231.202</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.943.152	-	9.906.957	-
Công cụ, dụng cụ	802.222	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	319.724.980.879	-	35.174.820.793	-
Hàng hóa	13.665.273.836	-	26.358.298	-
<b>Tổng</b>	<b>333.398.000.089</b>	<b>-</b>	<b>35.211.086.048</b>	<b>-</b>
	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
(i) Chi tiết số dư một số công trình lớn				
Công trình Nâng cấp đường Lương Đình Của	3.098.394.783	-	2.920.636.531	-
Công trình nâng cấp cầu Long Đại	2.806.412.461	-	1.804.455.982	-
Nâng cấp mở rộng đường Lã Xuân Oai	4.366.328.474	-	4.134.718.386	-
Công trình đường ĐT818 đoạn từ QL1-QLN2	5.313.837.415	-	41.755.363	-
Dự án Khu đô thị Bắc Châu Giang (ii)	297.313.874.803	-	8.421.044.088	-
Các công trình còn lại	6.826.132.943	-	17.852.210.443	-
<b>Tổng</b>	<b>319.724.980.879</b>	<b>-</b>	<b>35.174.820.793</b>	<b>-</b>

(ii) Đây là Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại Dịch vụ kết hợp nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang, thành phố Phú Lý; Địa điểm xây dựng tại phường Lam Hạ, thành phố Phú Lý. Chủ đầu tư dự án là Liên danh Công ty Cổ phần Dầu tư xây dựng Dầu khí IDICO và Công ty Cổ phần Kiểm định An Hòa, đại diện Liên danh là Công ty Cổ phần Dầu tư xây dựng Dầu khí IDICO. Dự án đang tiếp tục đầu tư, xây dựng và kinh doanh trong tương lai.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Mẫu số B 09 - DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.9 Chi phí trả trước**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ, chi phí chờ phân bổ	77.957.781	63.579.363
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	77.957.781	63.579.363
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ	3.195.341.621	4.401.319.274
Chi phí sửa chữa	349.384.771	520.897.623
Chi phí trả trước dài hạn khác	217.027.978	217.203.802
<b>Tổng</b>	<b>2.628.928.872</b>	<b>3.663.217.849</b>
	<b>3.273.299.402</b>	<b>4.464.898.637</b>

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Đơn vị tính: VND
	01/01/2022	31/12/2022	
<b>Phải nộp</b>			
Thuế GTGT	2.319.486.544	296.191.593.039	21.378.261.411
Thuế thu nhập doanh nghiệp	827.146.653	6.530.416.941	75.134.317
Thuế thu nhập cá nhân	1.189.476.632	65.189.476.632	20.828.714.940
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	302.863.259	1.065.027.292	474.412.154
Các loại thuế khác	-	223.289.646.125	-
	-	117.026.049	-
<b>Phải thu</b>			
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	44.355.069	888.456.881	932.811.950
Các khoản khác phải thu nhà nước	-	888.456.881	888.456.881
	44.355.069	-	44.355.069

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2022	167.344.881.669	17.762.526.290	8.789.712.460	353.983.547	1.237.404.610	195.488.508.576
Tăng trong năm	5.849.092.715	-	-	-	157.000.000	6.006.092.715
Mua trong năm	5.849.092.715	-	-	-	157.000.000	6.006.092.715
Giảm trong năm	-	-	1.094.048.182	-	-	1.094.048.182
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.094.048.182	-	-	1.094.048.182
Số dư tại ngày 31/12/2022	173.193.974.384	17.762.526.290	7.695.664.278	353.983.547	1.394.404.610	200.400.553.109
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2022	62.912.183.946	6.890.428.545	4.486.739.512	175.995.792	1.237.404.610	75.702.752.405
Tăng trong năm	33.553.954.177	3.586.225.218	1.134.102.167	77.161.184	9.812.500	38.361.255.246
Khấu hao trong năm	33.553.954.177	3.586.225.218	1.134.102.167	77.161.184	9.812.500	38.361.255.246
Giảm trong năm	-	-	1.094.048.182	-	-	1.094.048.182
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.094.048.182	-	-	1.094.048.182
Số dư tại ngày 31/12/2022	96.466.138.123	10.476.653.763	4.526.793.497	253.156.976	1.247.217.110	112.969.959.469
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2022	104.432.697.723	10.872.097.745	4.302.972.948	177.987.755	-	119.785.756.171
Tại ngày 31/12/2022	76.727.836.261	7.285.872.527	3.168.870.781	100.826.571	147.187.500	87.430.593.640

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2022: 4.983.766 VND (tại ngày 31/12/2021 là 42.018.651 VND).

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 27.196.475.612 VND (tại ngày 31/12/2021 là 22.148.316.927 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất (vô thời hạn)	Quyền sử dụng đất (có thời hạn 50 năm)	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2022	51.344.488.700	226.997.454	264.162.213.670	315.733.699.824
Tăng trong năm	-	-	2.101.307.618	2.101.307.618
Mua trong năm	-	-	2.101.307.618	2.101.307.618
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>51.344.488.700</u>	<u>226.997.454</u>	<u>266.263.521.288</u>	<u>317.835.007.442</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2022	-	98.486.297	54.169.464.052	54.267.950.349
Tăng trong năm	-	6.155.028	59.587.298.878	59.593.453.906
Khấu hao trong năm	-	6.155.028	59.587.298.878	59.593.453.906
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	-	<u>104.641.325</u>	<u>113.756.762.930</u>	<u>113.861.404.255</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2022	<u>51.344.488.700</u>	<u>128.511.157</u>	<u>209.992.749.618</u>	<u>261.465.749.475</u>
Tại ngày 31/12/2022	<u>51.344.488.700</u>	<u>122.356.129</u>	<u>152.506.758.358</u>	<u>203.973.603.187</u>

Tài sản cố định vô hình khác ghi nhận giá trị chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của công trình hạ tầng khu công nghiệp Mỹ Xuân B1.

**5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	-	8.720.464.607
Dự án khu cao ốc 326 Nguyễn An Ninh	17.424.054.505	17.174.679.505
Dự án khu nhà ở CBCNV - Chuyên gia 3,4 ha khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	25.347.480.301	21.347.480.301
Dự án CONDOTEL Thùy Dương	742.908.191	292.909.091
Dự án Trạm xử lý nước thải giai đoạn 2 công suất 6.500m3/ngày đêm	484.544.818	153.463.000
Dự án khu đô thị Bắc Châu Giang Hà Nam	-	27.588.126.748
Dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 Mở Rộng	2.837.467.486	2.404.449.261
<b>Tổng</b>	<u>46.836.455.301</u>	<u>77.681.572.513</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Phan Y Nguyễn	-	-	3.056.901.054	3.056.901.054
Công ty TNHH MTV Nhi Nhiên	1.087.282.268	1.087.282.268	-	-
Công ty TNHH cấp nước Tóc Tiên	1.723.947.750	1.723.947.750	672.215.250	672.215.250
Công ty TNHH DV xây dựng Minh Anh Phát	4.601.959.418	4.601.959.418	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng và đầu tư 492	1.773.766.332	1.773.766.332	1.773.766.332	1.773.766.332
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng BMT	-	-	1.790.499.396	1.790.499.396
Các đối tượng còn lại	6.952.521.150	6.952.521.150	9.437.836.273	9.437.836.273
<b>Tổng</b>	<b>16.139.476.918</b>	<b>16.139.476.918</b>	<b>16.731.218.305</b>	<b>16.731.218.305</b>

**Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan****(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)**

77.804.995	77.804.995	435.866.154	435.866.154
------------	------------	-------------	-------------

**5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	11.596.810.926	24.983.493.614	-	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Tp.Thủ Đức	8.094.552.646	8.745.502.866	-	-
Ban QLDA công trình giao thông	23.348.924.000	8.530.000.000	-	-
Các đối tượng còn lại	29.189.428	30.244.429	-	-
<b>Tổng</b>	<b>43.069.477.000</b>	<b>42.289.240.909</b>	<b>435.866.154</b>	<b>435.866.154</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.16 Vay ngắn hạn và dài hạn**

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>13.006.969.296</b>	<b>13.006.969.296</b>	<b>61.634.002.247</b>	<b>60.635.281.979</b>	<b>12.008.249.028</b>	<b>12.008.249.028</b>	
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (i)	13.006.969.296	13.006.969.296	61.634.002.247	60.635.281.979	12.008.249.028	12.008.249.028	
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>189.272.182.740</b>	<b>189.272.182.740</b>	<b>189.272.182.740</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (ii)	189.272.182.740	189.272.182.740	189.272.182.740	-	-	-	
<b>Tổng</b>	<b>202.279.152.036</b>	<b>202.279.152.036</b>	<b>250.906.184.987</b>	<b>60.635.281.979</b>	<b>12.008.249.028</b>	<b>12.008.249.028</b>	

**(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu**

Số tiền được vay

Theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/600266/HĐTD ký ngày 15/7/2022. Hạn mức tín dụng 310.000.000.000 VND

Mục đích vay

Bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh

Thời hạn vay

Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Lãi suất vay

Được áp dụng trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

Hình thức đảm bảo tiền vay

Được quy định trong Hợp đồng cầm cố/thế chấp/ký quỹ/bảo lãnh được giao kết trước ngày ký hợp đồng này.

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2022

13.006.969.296 VND

**(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu**

Số tiền được vay

Hợp đồng tín dụng số 01/2021/600266/HĐTD-DA ngày 25/02/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2022/600266/HĐTD-DA/PL. Hạn mức tín dụng 210.000.000.000 VND.

Mục đích vay

Đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam (Giai đoạn 1)

Thời hạn vay

Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Lãi suất vay

Được áp dụng trong từng Giấy nhận nợ cụ thể.

Hình thức đảm bảo tiền vay

Thế chấp cho bên Cho vay quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất là Dự án Đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam (giai đoạn 1) và các quyền phát sinh từ dự án.

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2022

189.272.182.740 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**Mẫu số B 09- DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.17 Chi phí phải trả**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công trình xây dựng cầu vòm sắt	879.060.550	-
Gói thầu XL06 XD HTTN chung cấp 2,3	294.868.585	-
<b>Tổng</b>	<b>1.173.929.135</b>	<b>-</b>

**5.18 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>73.609.006.121</b>	<b>1.529.770.212</b>
Kinh phí công đoàn	39.725.536	40.061.615
Bảo hiểm xã hội	-	6.011.972
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	86.000.000	86.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	72.676.935.564	682.161.564
Các khoản phải trả khác	806.345.021	715.535.061
<b>b) Dài hạn</b>	<b>591.300.000</b>	<b>687.700.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	591.300.000	687.700.000
<b>Tổng</b>	<b>74.200.306.121</b>	<b>2.217.470.212</b>

*Trong đó: Phải trả khác ngắn hạn là các bên liên  
quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)***64.631.520.000****5.19 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>18.038.688.060</b>	<b>28.180.515.232</b>
Công ty TNHH công nghiệp nặng VINA - HALLA	2.360.669.756	2.360.669.756
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt nam	11.188.763.940	11.188.763.940
Các đối tượng còn lại nhỏ hơn 10%	4.489.254.364	14.631.081.536
<b>b) Dài hạn</b>	<b>622.980.287.938</b>	<b>1.061.356.532.559</b>
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt nam	433.074.003.545	444.262.767.485
Công ty cổ phần Gốm sứ GRANITE VTC	-	235.448.964.729
Các đối tượng còn lại nhỏ hơn 10%	189.906.284.393	381.644.800.345
<b>Tổng</b>	<b>641.018.975.998</b>	<b>1.089.537.047.791</b>

**5.20 Dự phòng phải trả dài hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Khu nhà ở xã hội 334 Nguyễn An Ninh	-	658.176.635
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>658.176.635</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.21 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	80.000.000.000	-	(50.000)	35.102.920.020	115.102.870.020
<b>Tăng trong năm</b>	19.999.920.000	-	-	42.376.545.844	62.376.465.844
Lãi trong năm trước	-	-	-	42.376.545.844	42.376.545.844
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	19.999.920.000	-	-	-	19.999.920.000
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	(49.414.889.000)	(49.414.889.000)
Chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu	-	-	-	(19.999.920.000)	(19.999.920.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(1.415.000.000)	(1.415.000.000)
Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền - đợt 2	-	-	-	(7.999.995.000)	(7.999.995.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2021	-	-	-	(19.999.974.000)	(19.999.974.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	99.999.920.000	-	(50.000)	28.064.576.864	128.064.446.864
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	99.999.920.000	-	(50.000)	28.064.576.864	128.064.446.864
<b>Tăng trong năm</b>	19.999.930.000	290.000	-	342.066.760.598	362.066.980.598
Lãi trong năm nay	-	-	-	342.066.760.598	342.066.760.598
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	19.999.930.000	-	-	-	19.999.930.000
Tăng khác trong năm	-	290.000	-	-	290.000
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	50.000	(152.617.423.084)	(152.617.373.084)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	-	-	-	(19.999.930.000)	(19.999.930.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành (ii)	-	-	-	(1.617.654.584)	(1.617.654.584)
Chia cổ tức năm 2021 bằng tiền - đợt 2 (ii)	-	-	-	(4.999.996.000)	(4.999.996.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2022 (iii)	-	-	-	(125.999.842.500)	(125.999.842.500)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	50.000	-	50.000
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	119.999.850.000	290.000	-	217.513.914.378	337.514.054.378

Đơn vị tính: VND



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

- (i) Công ty tăng vốn điều lệ từ 99.999.920.000 VND lên 119.999.850.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 09/NQ-CT ngày 29/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty thực hiện tăng Vốn điều lệ từ việc chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%/Vốn điều lệ, tương ứng 1.999.998 cổ phiếu, tương ứng số tiền là 19.999.980.000 VND. Số cổ phiếu tăng thêm đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 26/2015/GCNCP-VSD-3, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 22/7/2022, số lượng chứng khoán đăng ký bổ sung là 1.999.993 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký bổ sung là 19.999.930.000 VND.
- (ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết số 09/NQ-CT ngày 29/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền là 1.617.654.584 VND.
  - Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 25%/Vốn điều lệ tương ứng giá trị là 24.999.970.000 VND. Trong đó: Công ty đã tạm ứng 20% bằng tiền trong năm 2021 tương ứng 19.999.974.000 VND; còn lại 5% Công ty đã có Thông báo số 185/TB-CT ngày 04/5/2022 về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021 - đợt 2 bằng tiền là 4.999.996.000 VND.
  - (iii) Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 theo Nghị quyết số 09/NQ-CT ngày 29/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và đợt 2 theo Nghị quyết số 19/NQ-CT ngày 04/11/2022 của Đại hội đồng cổ đông bất thường, thuộc lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:
- Công ty tạm chia cổ tức (đợt 1) bằng tiền theo Nghị quyết số 17/NQ-CT ngày 15/9/2022 của Hội đồng quản trị; Thông báo số 342/TB-CT ngày 16/9/2022 của Giám đốc công ty về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận tạm ứng cổ tức năm 2022 và Thông báo số 27/TB-CT ngày 07/10/2022 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc chốt danh sách cổ đông và tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền. Tỷ lệ thực hiện: 45%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 4.500 đồng), tương ứng với số tiền là 53.999.932.500 VND.
  - Công ty tạm chia cổ tức (đợt 2) bằng tiền theo Nghị quyết số 20/NQ-CT ngày 22/11/2022 của Hội đồng quản trị; Thông báo số 414/TB-CT ngày 25/11/2022 của Giám đốc công ty về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022 và Thông báo số 38/TB-CT ngày 27/12/2022 của Hội đồng Quản trị về việc chốt danh sách cổ đông và tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền. Tỷ lệ thực hiện: 60%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 6.000 đồng), tương ứng với số tiền là 71.999.910.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Mẫu số B 09- DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng công ty IDICO - CTCP	51%	6.120.000	61.200.000.000	51%	5.100.000	51.000.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	49%	5.879.985	58.799.850.000	49%	4.899.992	48.999.920.000
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>11.999.985</b>	<b>119.999.850.000</b>	<b>100%</b>	<b>9.999.992</b>	<b>99.999.920.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 (trình bày lại) VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	99.999.920.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	19.999.930.000	19.999.920.000
<b>Vốn góp tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>119.999.850.000</b>	<b>99.999.920.000</b>
Cổ tức đã chia thuộc LNST năm 2020	-	27.999.915.000
Tạm ứng cổ tức đã chia thuộc LNST năm 2021	-	19.999.974.000
Cổ tức đã chia thuộc LNST năm 2021	4.999.996.000	-
Tạm ứng cổ tức đã chia thuộc LNST năm 2022	125.999.842.500	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.985	9.999.992
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.985	9.999.992
Cổ phiếu phổ thông	11.999.985	9.999.987
Cổ phiếu quỹ	-	5
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.985	9.999.987
Cổ phiếu phổ thông	11.999.985	9.999.987
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>611.125.053.048</b>	<b>137.841.508.333</b>
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	27.429.034.136	6.334.420.282
Doanh thu kinh doanh khu công nghiệp	516.694.871.063	50.406.153.802
Doanh thu hợp đồng xây dựng	67.001.147.849	81.100.934.249
<b>b) Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần (a)-(b)</b>	<b>611.125.053.048</b>	<b>137.841.508.333</b>
<i>Trong đó: Doanh thu bán hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)</i>	<i>32.094.257.597</i>	<i>63.420.268.871</i>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	25.076.220.550	10.234.963.990
Giá vốn kinh doanh khu công nghiệp	114.529.234.855	29.908.349.951
Giá vốn hợp đồng xây dựng	65.051.786.047	77.357.496.774
<b>Tổng</b>	<b>204.657.241.452</b>	<b>117.500.810.715</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.236.136.387	37.610.730.847
Lãi đầu tư trái phiếu	9.999.674.521	6.487.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.989.280.000	1.442.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	56.225.165	-
<b>Tổng</b>	<b>39.281.316.073</b>	<b>45.540.830.847</b>
<i>Trong đó: Doanh thu hoạt động là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)</i>	<i>12.988.954.521</i>	<i>7.930.100.000</i>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	754.580.730	584.191.077
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	226.581.818
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	28.845.219
<b>Tổng</b>	<b>754.580.730</b>	<b>839.618.114</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	12.648.484.933	11.642.079.574
Chi phí đồ dùng văn phòng	300.381.488	345.991.414
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.165.873.842	1.987.283.054
Thuế phí và lệ phí	176.336.991	65.554.009
Chi phí dự phòng	223.332.497	(632.774.054)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	999.546.445	678.484.667
Chi phí bằng tiền khác	2.490.959.490	2.553.165.333
<b>Tổng</b>	<b>19.004.915.686</b>	<b>16.639.783.997</b>

**6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.732.453.310	31.402.944.113
Chi phí nhân công	20.871.994.786	21.966.852.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.954.709.152	15.207.525.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.804.973.877	72.011.503.480
Chi phí khác bằng tiền	247.165.931.563	8.107.370.862
<b>Tổng</b>	<b>476.530.062.688</b>	<b>148.696.196.337</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>426.895.475.538</b>	<b>49.066.022.476</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>237.379.164</b>	<b>158.553.471</b>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>237.379.164</i>	<i>158.553.471</i>
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>2.989.280.000</b>	<b>1.442.600.000</b>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>2.989.280.000</i>	<i>1.442.600.000</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>424.143.574.702</b>	<b>47.781.975.947</b>
Thu nhập từ hoạt động SXKD	37.124.313.786	31.877.440.516
Thu nhập từ hoạt động cho thuê hạ tầng KCN	387.019.260.916	15.904.535.431
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>84.828.714.940</b>	<b>9.556.395.189</b>
Thuế TNDN giảm theo NĐ92/2021 ngày 27/10/2021	-	2.866.918.557
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>84.828.714.940</b>	<b>6.689.476.632</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

(i) Công ty tạm xác định số trích quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 với số tiền là 2.217.352.120 VND theo Nghị quyết số 19/NQ-CT ngày 04/11/2022 của Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2022.

**Trình bày lại Chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021:**

(ii) Công ty xác định lại số trích quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 với số tiền là 1.617.654.584 VND đã được phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/4/2022 của Công ty. Theo đó, “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Năm 2021 Chênh lệch (VND)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.376.545.844	42.376.545.844	-
Trích quỹ thưởng ban điều hành (ii)	(2.935.309.169)	(1.617.654.584)	1.317.654.585
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.441.236.675	40.758.891.260	1.317.654.585
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	8.666.659	8.666.659	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.551</b>	<b>4.703</b>	<b>152</b>

**6.9 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	342.066.760.598	42.376.545.844
Trích quỹ thưởng ban điều hành	(2.217.352.120)	(1.617.654.584)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	339.849.408.478	40.758.891.260
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.893.139	8.666.659
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành (i)	8.399.989	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>17.615</b>	<b>4.703</b>

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2022 số 19/2022/NQ-CT ngày 04/11/2022, Công ty dự kiến phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2022. Thời gian phân phối cổ phiếu: Dự kiến quý I/2023 là 8.399.989 cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Cam kết cho thuê hoạt động**

Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

**7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 09/02/2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng dầu khí IDICO đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CT về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 3 cho cổ đông với tỷ lệ 45%/cổ phiếu. Ngày chốt danh sách cổ đông: 02/03/2023. Ngày thanh toán cổ tức 24/03/2023.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.3 Thông tin bên liên quan**

**a) Danh sách các bên liên quan:**

<b>Stt</b>	<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tên viết tắt</b>
1	Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
2	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - MCI
3	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - UDICO
4	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
5	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - CONAC
6	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCO 10
7	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCON
8	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - URBIZ
9	Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - SHP
10	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
11	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - ICC
12	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - QUE VO
13	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - TCC
14	Công ty Cổ phần IDTT	Liên quan khác	IDTT
15	Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng	Liên quan khác	AHCV
16	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hayat Việt Nam	Cổ đông lớn	HAYAT
17	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển XD Việt Nam	Cổ đông lớn	
18	Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch HĐQT	
19	Ông Hoàng Tuấn Anh	Nguyên Thành viên HĐQT	
20	Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	
21	Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT Ch.trách	
22	Ông Đoàn Đắc Hiếu	Nguyên Thành viên HĐQT	
23	Ông Võ Tấn Dũng	Thành viên HĐQT	
24	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	
25	Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng BKS	
26	Ông Nguyễn Tuyển Chiêu	Nguyên Thành viên BKS	
27	Ông Trần Quang Duy	Thành viên BKS	
28	Ông Mai Quốc Chinh	Thành viên BKS	
29	Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc	
30	Ông Đoàn Đắc Hiếu	Nguyên Phó Giám đốc	
31	Ông Trần Thanh Kiều	Phó Giám đốc	
32	Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc, người CBTT	
33	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.3 Thông tin bên liên quan (Tiếp theo)**

**b) Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

**b1) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch HĐQT	400.200.000	386.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hải	Nguyên Thành viên HĐQT	-	82.000.000
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	48.000.000	36.000.000
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT Ch.trách	822.028.353	713.318.917
Ông Đoàn Đắc Hiếu	Nguyên Thành viên HĐQT	40.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Tuấn Anh	Nguyên Thành viên HĐQT	129.000.000	78.000.000
Ông Võ Tấn Dũng	Thành viên HĐQT	56.000.000	-
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	8.000.000	-
<b>Tổng</b>		<b>1.503.228.353</b>	<b>1.331.318.917</b>

**b2) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng BKS	154.000.000	123.000.000
Ông Nguyễn Tuyển Chiêu	Nguyên Thành viên BKS	423.400.382	363.726.746
Ông Trần Quang Duy	Thành viên BKS	92.500.000	81.000.000
Ông Mai Quốc Chính	Thành viên BKS	41.500.000	-
<b>Tổng</b>		<b>711.400.382</b>	<b>567.726.746</b>

**b3) Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc	773.146.165	701.097.381
Ông Đoàn Đắc Hiếu	Nguyên Phó Giám đốc	567.484.046	670.213.500
Ông Trần Thanh Kiều	Phó Giám đốc	739.296.209	673.987.582
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc, Người CBTT	843.492.583	682.670.019
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	666.537.088	614.437.132
<b>Tổng</b>		<b>3.589.956.091</b>	<b>3.342.405.614</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**Mẫu số B 09- DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.3 Thông tin bên liên quan (Tiếp theo)****c) Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2021</b>	
		<b>Năm 2022</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
<b><u>Giao dịch mua</u></b>		<b>28.720.790.019</b>	<b>18.502.620.879</b>
IDICO - LINCO	Mua vật tư	2.286.462.023	2.730.104.623
AHCV	Giá trị xây lắp	24.700.327.996	12.467.016.256
IDTT	Mua vật tư	1.734.000.000	3.305.500.000
<b><u>Giao dịch bán</u></b>		<b>32.094.257.597</b>	<b>63.420.268.871</b>
AHCV	Bán vật tư và dịch vụ	2.986.792.389	5.088.642.909
IDTT	Cung cấp dịch vụ	627.124.666	-
	Giá trị xây lắp	28.480.340.542	58.331.625.962
<b><u>Chia cổ tức</u></b>		<b>117.845.640.000</b>	<b>25.164.480.000</b>
IDICO	Cổ tức năm trước	2.550.000.000	4.080.000.000
	Tạm ứng cổ tức năm nay	64.260.000.000	10.200.000.000
AHCV	Cổ tức năm trước	9.000.000	30.000.000
	Tạm ứng cổ tức năm nay	243.180.000	-
Hayat	Cổ tức năm trước	1.138.300.000	1.821.280.000
	Tạm ứng cổ tức năm nay	28.685.160.000	4.553.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển XD Việt Nam	Cổ tức năm trước	800.000.000	1.280.000.000
	Tạm ứng cổ tức năm nay	20.160.000.000	3.200.000.000
<b>Các khoản đầu tư</b>		<b>110.676.000.000</b>	<b>110.676.000.000</b>
IDICO - IDI	Đầu tư chứng khoán	10.676.000.000	10.676.000.000
IDTT	Trái phiếu có kỳ hạn	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cổ tức, trái phiếu được nhận</b>		<b>12.988.954.521</b>	<b>7.930.100.000</b>
IDTT		9.999.674.521	6.862.500.000
IDICO - IDI		2.989.280.000	1.067.600.000
<b>Giao dịch khác</b>		<b>368.043.746</b>	<b>330.516.792</b>
AHCV	Các khoản khác	158.239.158	158.460.909
IDTT	Các khoản khác	209.804.588	172.055.883



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.3 Thông tin bên liên quan (Tiếp theo)**

**d) Số dư với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>01/01/2022 VND (Trình bày lại)</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>23.452.496.487</b>	<b>19.503.939.724</b>
AHCV	4.507.817.154	8.656.310.644
IDTT	18.944.679.333	10.847.629.080
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>22.193.026.428</b>	<b>18.651.110.856</b>
AHCV	22.193.026.428	18.651.110.856
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>1.922.096.447</b>	<b>975.096.447</b>
IDTT	602.739.726	602.739.726
AHCV	251.756.721	372.356.721
IDICO - IDI	1.067.600.000	-
<b>Phải trả cho người bán</b>	<b>77.804.995</b>	<b>435.866.154</b>
IDICO - LINCO	77.804.995	435.866.154
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>64.631.520.000</b>	-
IDICO	36.720.000.000	-
Hayat	16.391.520.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển XD Việt Nam	11.520.000.000	-
<b>Phải thu đầu tư</b>	<b>110.676.000.000</b>	<b>110.676.000.000</b>
IDTT	100.000.000.000	100.000.000.000
IDICO - IDI	10.676.000.000	10.676.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.4 Báo cáo bộ phận**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, Xây lắp và lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

**a) Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**Đơn vị tính: VND

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng
Tổng doanh thu	81.100.934.249	50.406.153.802	6.334.420.282	137.841.508.333
Giá vốn hàng bán	(77.357.496.774)	(29.908.349.951)	(10.234.963.990)	(117.500.810.715)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	(16.639.783.997)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	45.540.830.847
Chi phí tài chính	-	-	-	(839.618.114)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	48.402.126.354
Lợi nhuận khác	-	-	-	663.896.122
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	49.066.022.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(6.689.476.632)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>42.376.545.844</b>

**b) Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2021**

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	-	319.799.467.196	61.452.038.450	381.251.505.646
Xây dựng cơ bản dở dang	-	32.625.857.169	45.055.715.344	77.681.572.513
Các khoản phải thu	63.290.537.534	12.078.559.506	28.954.803.637	104.323.900.677
Hàng tồn kho	32.800.407.575	2.374.413.218	36.265.255	35.211.086.048
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	703.450.635.853
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.301.918.700.737</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	57.549.706.157	1.090.310.747.791	13.985.550.897	1.161.846.004.845
Phải trả tiền vay	12.008.249.028	-	-	12.008.249.028
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.173.854.253.873</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Mẫu số B 09- DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)****c) Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	67.001.147.849	516.694.871.063	27.429.034.136	611.125.053.048
Giá vốn hàng bán	(65.051.786.047)	(114.529.234.855)	(25.076.220.550)	(204.657.241.452)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	(19.004.915.686)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	39.281.316.073
Chi phí tài chính	-	-	-	(754.580.730)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	425.989.631.253
Lợi nhuận khác	-	-	-	905.844.285
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	426.895.475.538
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(84.828.714.940)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>342.066.760.598</b>

**d) Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2022**

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	147.187.500	231.799.057.289	59.457.952.038	291.404.196.827
Xây dựng cơ bản dở dang	-	28.669.492.605	18.166.962.696	46.836.455.301
Các khoản phải thu	68.122.699.594	1.914.774.250	26.373.969.387	96.411.443.231
Hàng tồn kho	319.724.980.879	13.625.609.000	47.410.210	333.398.000.089
Tài sản không thể phân bổ				575.847.202.420
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.343.897.297.868</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	57.788.389.928	643.420.223.748	102.895.477.778	804.104.091.454
Phải trả tiền vay	202.279.152.036			202.279.152.036
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.006.383.243.490</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Mẫu số B 09- DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.5 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Vũng Tàu, ngày 02 tháng 03 năm 2023

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Nguyễn Thị Lựu**

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

**Lê Thanh Tùng**